

## **Ý thức pháp luật của người Thái: một giả thuyết làm việc**

PICHET MAOLANOND &  
NILUBOL CHAI-ITTHIPPORNWONG  
PORNTHIP APISTITWASANA

### **I. Dẫn luận**

Thông thường, việc biết được đối tác của bạn đang nghĩ gì sẽ rất hữu ích, nó giúp bạn có thể dự đoán được hành vi của anh hay chị ta. Khi tiếp xúc với một đối tác nước ngoài, điều này liên quan tới hiểu biết về các đặc trưng dân tộc. Theo các tác giả, hiểu biết về ý thức pháp luật của anh hay chị ta cũng rất hữu ích cho bạn, đặc biệt khi bạn có một số giao dịch với người đó. Đồng thời, việc tìm hiểu ý thức pháp luật từ các quan điểm học thuật cũng là cần thiết.

Sẽ không khó khi tìm các tài liệu về ý thức pháp luật của người phương Tây, người Nhật Bản hay người Trung Quốc. Về phía người Thái, mặc dù chúng ta có thể tìm thấy một số bài viết bằng tiếng Anh về các đặc trưng dân tộc, nhưng tài liệu về ý thức pháp luật của người Thái thì hầu như không có. Bạn có thể tìm một số bài viết về ý thức pháp luật của người Thái theo một số chủ đề chuyên biệt, chẳng hạn về các quyền đối với đất đai. Nhưng theo các tác giả được biết, thì hầu như chưa có bài viết nào nói lên một bức tranh toàn cảnh về ý thức pháp luật của người Thái.

Bài viết này nhằm bổ sung vào chỗ còn thiếu hụt đó. Như tiêu đề đã đề cập, các tác giả muốn trình bày một cách khái quát về ý thức pháp luật của người Thái từ những quan sát của chính họ. Do vậy, bài viết này chỉ là các giả thuyết làm việc như đã nêu rõ ở phụ đề.

Tất nhiên, để viết về một chủ đề hầu như chưa có ai đề cập tới này, chúng tôi phải tiến hành khảo sát tài liệu về chủ đề có liên quan mật thiết nhất tới nội dung mà chúng tôi định viết. Các tác giả cho rằng “các đặc trưng dân tộc” là chủ đề có liên quan mật thiết nhất tới “ý thức pháp luật”. Các tác giả giới hạn tài liệu nghiên cứu trong phạm vi các bài viết bằng tiếng Anh vì lý do chính là tiếng Anh được sử dụng rộng rãi trên toàn thế giới. Do đó, đây là ngôn ngữ thuận lợi nhất để mọi độc giả có thể tham khảo. Đây cũng là ngôn ngữ thuận lợi nhất để tiếp tục tranh luận trong tương lai, về cả lý luận cũng như thực tiễn.

Sau khi tổng quan các tài liệu tiếng Anh, các tác giả nhận thấy hầu như các bài viết về các đặc trưng dân tộc của người Thái chỉ là những quan sát khoa học mà ít nhấn mạnh tới chứng minh bằng thực nghiệm. Cá nhân, các tác giả đồng tình với quan điểm cho rằng việc bàn tới đặc trưng dân tộc mà chỉ dựa trên các phương pháp quan sát là rất nguy hiểm. Lý do rất rõ ràng. Thứ nhất, từ “dân tộc” rất dễ bị hiểu sai nghĩa. Khi sử dụng từ này, chúng ta có xu hướng thừa nhận dân tộc là thuần nhất. Điều này chẳng mấy khi đúng. Trên thế giới này,

liệu có bao nhiêu dân tộc là thuần nhất? Nếu có, thì đó cũng không phải là Thái Lan. Dù cho chúng ta không có nhiều thổ ngữ như vậy ở Thái Lan, thì cách suy nghĩ cũng như phương thức hành vi của chúng ta cũng không giống nhau. Thứ hai, khi chúng ta nói đến “các đặc trưng”, thì liệu làm thế nào chúng ta mô tả được một đặc trưng phổ biến nào đó giữa các phương thức hành vi đa dạng của con người trong một nhóm nhất định?

Thái Lan là một xã hội đa nguyên. Làm cách nào mà một đất nước không thuần nhất như Thái Lan lại có thể được cấu thành từ những đặc trưng dân tộc thuần nhất?

Vì những khó khăn cố hữu trong việc đưa ra một mô tả có ý nghĩa về các đặc trưng dân tộc và ý thức pháp luật, các tác giả không tìm được một phương pháp cơ bản nào ngoài một cuộc khảo sát thực nghiệm và khoa học. Rất may là các tác giả có một cuốn sách tiếng Anh đáp ứng được những yêu cầu này<sup>1</sup>.

Cuốn sách này dựa trên một cuộc khảo sát thực nghiệm bằng bảng hỏi trên phạm vi toàn quốc, tiến hành hai lần (1978, 1981). Theo các tác giả được biết thì đây là công trình nghiên cứu kinh nghiệm duy nhất về các đặc trưng dân tộc của người Thái. Vì thế, nó được sử dụng trong bài viết này như nguồn tài liệu chính. Về một số yếu điểm trong cuốn sách này, nếu có, liên quan tới phương pháp nghiên cứu và một số điều khác, các tác giả sẽ không bàn tới và để ngỏ cho các cuộc tranh luận trong tương lai.

Bài viết này bao gồm ba phần chính:

- Phần 1 là 3 dòng lý thuyết chính về các đặc trưng dân tộc của người Thái. Phần này mô tả một cách khái quát về người Thái, gồm: (a) người Thái với tư cách là các tín đồ Phật giáo, (b) người Thái với tư cách là những con người cá nhân chủ nghĩa, (c) người Thái với tư cách là những thành viên của một hệ thống xã hội được cấu trúc lỏng lẻo. Ba dòng lý thuyết này là kết quả của những quan sát khoa học, và chúng đóng một vai trò quan trọng trong việc mô tả các đặc trưng dân tộc của người Thái.
- Phần 2 về “9 nhóm giá trị” (*cluster value*) của người Thái. Phần này liên quan tới 2 cuộc khảo sát thực nghiệm của Suntaree Komin năm 1978 và 1981.
- Phần 3 là các giả thuyết làm việc của các tác giả về ý thức pháp luật của người Thái. Phần cuối này đề cập tới ý kiến đồng tình và không đồng tình của tác giả với ba dòng lý thuyết trên, căn cứ trên “9 cụm giá trị”. Tất nhiên, các tác giả không cảm thấy hoàn toàn nhất trí với cuốn sách của Suntaree. Trong mỗi trường hợp có vấn đề nảy sinh, các tác giả sẽ làm rõ những bất đồng ý kiến.

Phần kết luận sẽ đề xuất 6 chủ đề nghiên cứu. Các tác giả cho rằng chúng ta rất cần tới những nghiên cứu thực nghiệm về ý thức pháp luật của người Thái. Điều này cần thiết cho cả người Thái trong việc tự nhận thức về mình, đồng thời cũng có ích cho các đối tác nước ngoài, những người có công việc giao dịch kinh doanh với người Thái.

Trước khi bước vào phần nội dung, các tác giả xin được đưa ra một số lập luận chung:

Vì Thái Lan là một xã hội đa nguyên và ý thức pháp luật của người Thái hầu như không thể được mô tả như một cái gì thống nhất cho toàn xã hội, các tác giả cho rằng trước hết phải phân biệt giữa những người Thái ở phía Bắc (*up-country*) và những người Thái ở Bangkok.

<sup>1</sup> Xin tham khảo thêm: Suntaree Komin, *Tâm lý người Thái: các giá trị và khuôn mẫu hành vi*.

Kết luận khái quát về các đặc trưng dân tộc của người Thái có thể dễ làm chúng ta lầm lẫn bởi vì người Thái ở các khu vực phía Bắc khác hẳn với người Thái ở Bangkok trên nhiều phương diện. Những người Thái ở phía Bắc chịu nhiều ảnh hưởng của đạo Phật, và cơ cấu xã hội của họ (có thể) lỏng lẻo hơn nhiều, nhưng đồng thời họ lại ít tính cá nhân chủ nghĩa và tính tự tôn so với người Bangkok.

Hơn nữa, những người Thái ở phía Bắc, ít chịu ảnh hưởng bởi pháp luật phương Tây, vẫn tiếp tục xây dựng quan hệ trên cơ sở các phong tục địa phương. Trong khi đó, những người Bangkok, chịu ảnh hưởng bởi các quan điểm pháp luật phương Tây, lại có xu hướng xây dựng quan hệ dựa trên các quyền và trách nhiệm.

Rõ ràng là về mặt thực nghiệm, nếu không tính đến những khác biệt nông thôn-thành thị đó, chúng ta không thể nhận thức được thực trạng ý thức pháp luật của người Thái. Các tác giả lấy đây là điểm khởi đầu.

Tuy nhiên, chúng ta không nên quên rằng hầu hết người Thái đang trong thời kỳ quá độ. Vì thế, chúng ta không thể chỉ mô tả một cách khái quát xem ý thức pháp luật của người Thái ngày nay như thế nào. Chúng ta cần tiến hành nghiên cứu thực nghiệm về mỗi chủ đề quan tâm.

## **II. Ba dòng lý thuyết về các đặc trưng dân tộc của người Thái**

### *1. Người Thái với tư cách là những tín đồ Phật giáo*

Cuốn sách của Suntaree cho chúng ta một sự mô tả khá tốt về dòng lý thuyết này. Có một thực tế mà ai cũng biết là khoảng 93.6% người Thái theo đạo Phật. Do đó, nhiều người thường dùng Phật giáo để giải thích hành vi xã hội của người Thái. Giáo lý Phật giáo *thường được mô tả như một sự quan tâm tới các hành động của cá nhân cho nghiệp chướng của họ, công trạng và tội lỗi, lối sống tách biệt, phi bạo lực và dễ tính*. Vì vậy, các nhà quan sát thường quy đó là đặc trưng dân tộc của người Thái dưới ảnh hưởng của Phật giáo: cá nhân chủ nghĩa, không thích ràng buộc vào điều gì, trung lập, hòa nhã và vô cảm. Hơn thế nữa, người Thái thường được mô tả như những người không bao giờ phấn đấu cho các lợi ích vật chất bởi vì đạo Phật chủ trương xa lánh vật chất, v.v... Dưới cách diễn giải ấy, thì nếu muốn hiểu được các giá trị của người Thái, cần phải nghiên cứu các quan điểm triết học của Phật giáo.

Nói cách khác, đây là một “cố gắng đặt Phật giáo ngang hàng với tính cách Thái” và sử dụng các giá trị Phật giáo như “một nhãn (label) phổ biến và đa năng”.

Theo Suntaree, không nghi ngờ gì nữa, Phật giáo có một ảnh hưởng sâu rộng tới đa số người Thái. Nhưng ở mức độ nào, trong các khía cạnh nào, cách tiếp cận “phổ biến” này có thể giải thích hoàn cảnh thực tế? Nó thất bại trong việc giải thích nhiều điều. Tại sao trên thực tế, nhiều người Thái lại coi vật chất như một giá trị và thậm chí tỏ ra phung phí? Tại sao nhiều người Thái lại khá hung hăng bên dưới vẻ mặt hòa nhã? Tại sao nhiều người Thái lại dễ dàng nổi nóng trước những vấn đề chẳng đáng kể? Tại sao tỷ lệ tội phạm ở Thái Lan lại cao như vậy?

Rõ ràng là, không thể dùng Phật giáo để giải thích mọi điều về các giá trị của người Thái.

### *2. Người Thái với tư cách là những con người cá nhân chủ nghĩa*

Như đã đề cập ở trên, giáo lý Phật giáo chú trọng tới những hành động của cá nhân cho nghiệp chướng của họ. Vì vậy, thật dễ liên hệ Phật giáo với các giá trị có tính chất cá nhân chủ nghĩa của người Thái. Tại sao người Thái lại quá đề cao tự do cá nhân? Câu trả lời rất đơn giản. Nhiều nhà quan sát cho rằng đó là bởi vì hầu hết người Thái là tín đồ đạo Phật.

Thậm chí, hầu hết các nghiên cứu về văn hóa Thái cũng đều nhanh chóng nhận ra mối quan hệ mật thiết giữa đạo Phật và chủ nghĩa cá nhân của người Thái. Theo Phật giáo, một người bị trừng phạt hay được khen thưởng là do chính hành động của người đó chứ không phải của ai khác. Đó là nghiệp chướng được tích lũy của họ.

Nói chung, chủ nghĩa cá nhân dẫn tới một giá trị là bản thân cá nhân tự nó đã là quan trọng. Với ý thức đó, cách mô tả này có thể đi kèm với giáo lý của Phật giáo. Tuy nhiên, làm thế nào chúng ta có thể giải thích được giá trị về *namjai* (trở nên lớn lao đối với những người khác)-một trong những giá trị quan trọng nhất của người Thái? Làm thế nào có thể giải thích tại sao những người nông dân Thái ở những vùng hẻo lánh vẫn duy trì phong tục giúp đỡ lẫn nhau giữa các ngôi làng lân cận trong việc trồng trọt và thu hoạch?

Liệu có luôn đúng không khi coi người Thái như những con người cá nhân chủ nghĩa?

### 3. Người Thái với tư cách là những thành viên của một hệ thống xã hội được cấu trúc lỏng lẻo

Năm 1950, một nhà nhân chủng học người Mỹ, John Embree đã đề xuất “lý thuyết cấu trúc lỏng lẻo”. Ông quan sát sự tương phản giữa người Thái với người Nhật Bản, người Trung Quốc và người Việt Nam. Theo ông, quan điểm cấu trúc lỏng lẻo này gồm 5 thành tố: (1) những hành vi mang tính chất cá nhân, (2) thiếu tính tương hỗ trong các quyền và nghĩa vụ, (3) các giao ước/bổn phận không dài hạn, (4) ý thức về gia đình và họ hàng không mạnh mẽ, (5) thiếu quy củ và kỷ luật. Nói cách khác, mô hình cấu trúc lỏng lẻo nói lên sự không có ranh giới rõ ràng của quyền và nghĩa vụ giữa những người Thái. Lý thuyết này thường được giải thích trong mối liên quan tới chủ nghĩa cá nhân của người Thái. Đến lượt mình, như đã đề cập ở trên, nó, bằng cách này hay cách khác, lại liên quan tới Phật giáo. Sau khi cuốn sách của Embree ra đời, nhiều học giả, chủ yếu là người phương Tây, đi theo hướng mà nghiên cứu này đã vạch ra. Một vài người trong số họ nghiên cứu về hiện tượng cấu trúc lỏng lẻo ở nông thôn Thái Lan.

Mặc dù chấp nhận lý thuyết này ở một mức độ nào đó, một số học giả cho rằng sự lỏng lẻo trong quan hệ giữa cá nhân với nhau của người Thái phụ thuộc vào sự tồn tại của lòng biết ơn (*bunghun*). Các quan hệ kinh doanh hoặc các quan hệ hình thành trên hợp đồng thường lỏng lẻo vì không có *sự biết ơn* trong đó. Còn quan hệ cá nhân và thân thiết được ràng buộc bởi sự hiện diện của lòng biết ơn.

Tâm quan trọng của lòng biết ơn trong việc quyết định sự lỏng lẻo của cơ cấu xã hội của người Thái lại là vấn đề khác. Các tác giả sẽ không bàn tới vấn đề đó trong bài viết này. Điều cần thiết vạch ra ở đây là, chúng ta không thể luôn luôn nhìn xã hội Thái Lan từ mô hình cấu trúc lỏng lẻo.

### III. Chín cụm giá trị của người Thái

Suntaree tiến hành cuộc khảo sát trên phạm vi toàn quốc về giá trị của người Thái hai lần, một lần vào năm 1978 và một lần vào năm 1981. Trong bảng hỏi của mình, bà chỉ ra 20 giá trị của người Thái và yêu cầu người trả lời sắp xếp theo thứ tự ưu tiên theo sự tự đánh giá của người trả lời về tầm quan trọng của các giá trị đó đối với anh hay chị ta. Dữ liệu của cuộc khảo sát này được thống kê và tổng hợp vào một kết luận bao quát. Dưới đây là 9 giá trị đứng đầu theo kết quả của 2 cuộc khảo sát:

### 1. *Cái tôi (self)*

Cuộc khảo sát đã chỉ ra rằng đối với hầu hết người Thái, “cái tôi” là giá trị quan trọng nhất. Người Thái thường nói rằng họ thích được “*pen tua khong tua eng*” (tự lập). Giá trị này được mọi nhóm người Thái xếp hạng ưu tiên thứ nhất, trừ những người nông dân. Những người này chỉ xếp hạng giá trị này khá thấp (thứ 8).

### 2. *Sự biết ơn*

Theo kết quả của 2 cuộc khảo sát, “*bunkhun*” (sự biết ơn) và “*katanyu*” (mang cả hai nghĩa của từ *gratefulness*: sự biết ơn và sự hài lòng/dễ chịu) là những giá trị được xếp hạng thứ 2. Chúng ta có thể thấy ở đây là, mặc dù “cái tôi” rất quan trọng, nhưng nó phải đi kèm với “*gratefulness*”. Nếu một người làm điều gì đó tốt cho bạn, nhất định bạn phải thành thật đền đáp lại họ. Nếu không, bạn không phải là một người Thái tốt. Sự biết ơn và đền ơn thường phải được thực hiện liên tục và bằng nhiều cách. Đối với *Bunkhun*, không nên đo lường định lượng và nó không thuộc phạm trù vật chất.

### 3. *Các quan hệ hòa nhã*

Trong 9 giá trị, đứng thứ 3 là “sự hòa thuận”. Đây có lẽ là lý do vì sao đa số người Thái lịch sự, không quyết đoán và khiêm tốn. Cũng vì vậy, chúng ta có thể thấy rằng hầu hết người Thái ưa thích bầu không khí nhẹ nhàng thoải mái, những mối quan hệ thân mật, vui vẻ. Thông thường, người Thái không thích sự đối đầu trực tiếp. Đối đầu chỉ là phương sách cuối cùng.

### 4. *Mềm dẻo*

Thông thường, người Thái ghét bầu không khí nghiêm khắc, khắt khe. Họ ưa các quan hệ thoải mái, mềm dẻo hơn. Giá trị này được xếp thứ 4 trong số 9 giá trị. Vấn đề là, trong đa số trường hợp, mềm dẻo có nghĩa là bạn phải biết điều chỉnh, điều hòa mọi việc trong mọi thời điểm. Nếu không, bạn sẽ rất căng thẳng. Có một điều thú vị là các viên chức chính phủ đánh giá giá trị này cao hơn so với nông dân. Suntaree chỉ ra rằng, trong hầu hết trường hợp, yếu tố “cá nhân” và “hoàn cảnh” vượt qua các quy tắc và hệ thống. Có lẽ đó là lý do tại sao việc thi hành pháp luật ở Thái Lan lại khó khăn.

### 5. *Mộ đạo*

Theo kết quả của 2 cuộc nghiên cứu này thì người Thái xếp tôn giáo vào giá trị thứ 5. Vì rằng hơn 90% người Thái là Phật tử nên “mộ đạo” cũng có nghĩa là “là một Phật tử tốt”. Có hai giải thích thêm cần được nêu ra ở đây. Thứ nhất, mặc dù hầu hết chúng ta theo đạo Phật, nhưng chúng ta thường không nhiệt tâm nghiên cứu giáo lý của Phật. Thay vào đó, đạo Phật ở Thái đang bị thoái hóa trên một phạm vi rất lớn bởi mê tín dị đoan. Vì thế, “mộ đạo” đồng thời cũng có thể có nghĩa là mê tín. Thứ hai, đạo Phật ít có ảnh hưởng ở Bangkok. Ví dụ, ngày càng ít dần những người đàn ông ở Bangkok được thụ giới (như là các nhà sư) trong thời kỳ 3 tháng ở một giai đoạn nào đó trong đời họ (theo đòi hỏi của đạo Phật).

### 6. *Giáo dục*

Kết quả của 2 cuộc khảo sát này cũng cho thấy đa số người Thái xếp giá trị giáo dục vào cấp trung bình trong các giá trị quan trọng. Giáo dục nếu chỉ vì mục đích học tập thì không được coi trọng. Đối với hầu hết người Thái, giáo dục đơn thuần chỉ là phương tiện để vươn lên bậc thang xã hội cao hơn. Ở Thái, bằng cấp có thể giúp bạn có vị trí cao trong xã hội. Điều này cho thấy đa số người Thái quan tâm tới bằng cấp hơn là học vấn. Tinh thần học hỏi hầu như rất thấp. Tuy nhiên, sau cuộc nổi dậy của học sinh ngày 14 tháng 10 năm 1973, xu

hướng tích cực bắt đầu xuất hiện. Các trường đại học dần dần trở thành nơi học hỏi tri thức, đặc biệt là để tìm kiếm các câu trả lời cho các vấn đề xã hội của Thái. Chúng ta ngày càng có nhiều các nhà tư tưởng.

### 7. Sự phụ thuộc lẫn nhau

Giá trị này, mặc dù được xếp hạng khá thấp, nhưng đóng vai trò là đối trọng với giá trị xếp hạng nhất là “cái tôi”. Nó phản ánh tinh thần liên kết cộng đồng và cùng tồn tại. Nó là một giải thích khả dĩ cho câu hỏi tại sao một hệ thống xã hội được cấu trúc lỏng lẻo cũng có tính cộng đồng. Ở các vùng nông thôn Thái Lan, trong công việc đồng áng, các làng mạc vẫn có sự trao đổi lao động nhưng sự trao đổi này có tính chất lỏng lẻo. Trên thực tế, ý thức về quyền và trách nhiệm của họ cũng khá mờ nhạt. Có nhiều hoạt động tập thể để xây dựng các cơ sở hạ tầng chung như đền chùa hay bể chứa nước. Sự hợp tác trong nền nông nghiệp lúa nước của các làng mạc không phải là điều gì mới mẻ ở xã hội Thái.

### 8. Thích vui vẻ

“Mảnh đất của những nụ cười” là những từ mà chúng ta đã quen mỗi khi nghĩ tới Thái Lan. Nhưng sẽ thật hoang đường nếu chúng ta hiểu điều đó có nghĩa là người Thái lúc nào cũng cười. Nói chung thì khó tranh luận về vấn đề này. Hầu hết người Thái là những người thoải mái, vô tư và thích “*sanuk*” (vui vẻ). Vì lẽ đó, đa số người Thái ít chú trọng tới các công việc nặng nề, thay vào đó, họ thích các công việc không quá nghiêm túc và những công việc đồng thời có thể hàm chứa sự vui vẻ.

### 9. Đạt thành tích trong công việc

Theo kết quả của 2 cuộc khảo sát, người Thái xếp hạng thấp nhất cho thành tích trong công việc. Một lần nữa, điều này dễ gây hiểu nhầm là người Thái không thích làm việc. Các thành tựu về kinh tế, bất kể là hảo huyền hay không, chỉ ra rằng người Thái đang có sự chuyển biến, và họ đang ngày càng chú trọng tới việc đạt thành tích trong công việc.

## VI. Các giả thuyết làm việc về ý thức pháp luật của người Thái

Như đã đề cập ở phần giới thiệu, lập luận chung các tác giả đưa ra là chúng ta hãy xem xét ý thức pháp luật của người Thái từ sự khác biệt nông thôn-thành thị. Không có sự khác biệt này, các tác giả tin rằng sẽ không thể nhận thức được hoàn cảnh thực tế của ý thức pháp luật của người Thái. Bạn có thể mô tả hoàn cảnh này là tình trạng “vị thế đối lập với khế ước” (*status vs. contract*) như đề xuất của Henry Maine trong cuốn sách của ông với nhan đề *Từ Vị thế tới Khế ước* (1861). Theo Maine, các mối quan hệ giữa người với người trong xã hội truyền thống là cái mà ông gọi là “vị thế”, trong khi mối quan hệ giữa người với người trong xã hội hiện đại lại có tính chất xây dựng trên “khế ước” (hợp đồng). Bạn có thể mô tả sự khác biệt nông thôn - thành thị là “*Gemeinschaft* đối lập với *Gesellschaft*” như đề xuất của Max Weber. Theo Weber, *Germeinschaft* là mối quan hệ pháp luật giữa người với người trong xã hội truyền thống, xây dựng căn cứ trên quan hệ họ hàng và láng giềng. Còn *Gesellschaft* đề cập tới các quan hệ bằng khế ước của các xã hội hiện đại và thương nghiệp.

Thực chất, các tác giả tin rằng sự khác biệt trên rất lớn. Chỉ lấy riêng những xã hội nông nghiệp Thái Lan làm ví dụ, hiển nhiên là không phải mọi xã hội nông nghiệp Thái Lan đều có chung một khuôn mẫu hành vi. Tất nhiên, ý thức pháp luật ở những xã hội nông nghiệp khác nhau cũng khác nhau. Các *bộ lạc ở vùng cao nguyên (hill-tribes)* phía Bắc (gần Burma) có nền văn hóa khác với các làng mạc ở vùng nhiệt đới phía Nam (gần Malaysia), v.v. Vì vậy, không thể

quy đồng mọi xã hội nông nghiệp làm một, làm đối trọng với xã hội đô thị. Tuy nhiên, chúng ta không thể đề cập quá chi tiết tới chủ đề này ở đây.

Một điểm đáng lưu ý nữa cần đề cập ở đây là tình trạng “cá nhân chống lại hệ thống” trong lối sống của người Thái. Ở phần III, trong phần về sự mê đắm, chúng ta đã biết đến mô hình này. Như Suntaree đã chỉ rõ, trong hầu hết trường hợp, “cá nhân” và “hoàn cảnh” vượt qua quy tắc và hệ thống. Các tác giả đồng ý rằng đây là một hiện tượng hiển nhiên ở Thái Lan và có tác động quan trọng tới cách cư xử của người Thái. Chúng ta có xu hướng tin vào một nhà lãnh đạo mạnh mẽ và lời cuốn sẽ giúp giải quyết các vấn đề của chúng ta, thay vì cố gắng tự thiết lập một hệ thống để làm việc này. Bất cứ khi nào chúng ta chạm trán với một vấn đề xã hội lớn, chúng ta sẽ tự như “Krung Sri Ayudhya mai sin khon dii” (Ayudhya sẽ không bao giờ thiếu nhà lãnh đạo giỏi). Cách suy nghĩ này bắt nguồn từ thời Ayudhya, được đặt tên theo tên một thủ đô trước đây của Thái Lan (1350-1767). Người Thái có xu hướng tin vào “*một thủ lĩnh cưỡi ngựa trắng*” (*white horse leader*) - người, bằng cách này hay cách khác, sẽ xuất hiện để giúp họ giải quyết các vấn đề của chính họ. Giá trị này góp phần dẫn tới tình trạng ít sử dụng luật để giải quyết các vấn đề của chúng ta.

Căn cứ vào giải thích cơ bản trên về tình trạng “nông thôn đối lập với đô thị” và “cá nhân chống lại hệ thống”, bây giờ, chúng ta trở lại với giả thuyết.

### 1. Luật bản xứ

Thái Lan lấy luật Ấn Độ cổ (bằng cách chuyển từ tín ngưỡng Hindu sang Phật giáo) làm Luật Nhà nước từ thời Sukhothai (1213-1350) và làm quyền qua 2 thời kỳ: Ayuhya (1350-1767) và Thonburi (1767-1782). Trên thực tế, luật Ấn Độ cổ đóng vai trò là luật Nhà nước ở Thái Lan cho đến năm 1910, tức là đến giữa thời kỳ hiện đại Ratanakosin (1868 đến nay). Sau đó, chúng ta bắt đầu áp dụng luật phương Tây vào hệ thống luật Nhà nước. Vì thực trạng này, nhiều người cho rằng ý thức pháp luật bản xứ của người Thái chịu ảnh hưởng của luật Ấn Độ cổ và Phật giáo. Các tác giả không đồng ý với quan điểm trên. Chúng ta chỉ có thể tìm thấy rất ít đường hướng của luật Ấn Độ cổ và đạo Phật trong cách tư duy của người Thái. Thực tế là luật Ấn Độ cổ đơn giản chỉ đóng vai trò là luật Nhà nước cũ của Thái Lan, và ít có ảnh hưởng quan trọng tới tư tưởng của người Thái trên toàn đất nước. Các tác giả cho rằng, để nghiên cứu luật truyền thống bản xứ, chúng ta phải đi sâu vào xem xét các xã hội truyền thống trước năm 1238, nghĩa là thời kỳ trước khi tiếp nhận luật Ấn Độ cổ làm luật Nhà nước vào thời Sukhothai. Một số nhà nhân loại học người Thái tin rằng những ứng xử truyền thống của chúng ta chịu ảnh hưởng của các quan hệ bản năng (tới mức duy vật) dưới ảnh hưởng của Lão tử, Trung Quốc (c.604-c.531)-người được coi là thủy tổ của đạo Lão. Tất nhiên là điều này rất khó chứng minh. Sẽ dễ dàng hơn nếu chúng ta xem xét ý thức pháp luật của người Thái vào giai đoạn tương đối hiện đại hơn dưới ảnh hưởng của Nho giáo (552-479), được du nhập vào Thái Lan thông qua người Trung Quốc. Kể từ khi hầu hết các giao dịch thương mại ở Thái Lan nằm trong tay những người Thái gốc Trung Quốc, Nho giáo trở thành một hệ ý thức pháp luật nền tảng và đầy sức mạnh trong thế giới thương mại ở Thái. Nhưng một lần nữa, có khả năng là Nho giáo chỉ có ảnh hưởng ở vùng đô thị. Còn vùng nông thôn Thái Lan lại chịu ảnh hưởng của Đạo giáo nhiều hơn. Vì vậy, như đã nhắc lại trước đó, chúng ta không thể đòi hỏi ý thức pháp luật của người Thái phải thuần nhất. Vì rằng rất khó tiến hành nghiên cứu nông thôn Thái Lan (vì điều này yêu cầu phải có sự phối hợp chuẩn giữa một nhà nhân loại học và một luật gia), chúng ta nên giới hạn việc nghiên cứu của chúng ta ở đô thị Thái-điều này sẽ có tính khả thi hơn.

## 2. Quyền sở hữu tài sản

Khi bàn về quyền sở hữu tài sản ở Thái Lan, các tác giả muốn đề nghị chúng ta phân biệt nông thôn và thành thị ở Thái. Vùng nông thôn Thái Lan không chịu ảnh hưởng của các quan điểm pháp luật phương Tây trong cùng một phạm vi, mức độ như những người ở đô thị, và vì thế, họ ít có ý thức về quyền sở hữu tài sản tư nhân hơn. Những người Thái ở đô thị, như là một kết quả tác động của phương Tây, rất chú ý tới quyền sở hữu tư nhân. Những người sống ở các vùng xa Bangkok lại ít có ý thức về quyền sở hữu này. Xin lấy một ví dụ trong công trình nghiên cứu của một giáo sư người Thái ở Đại học Chaiengmai về hệ thống sở hữu đất đai của các bộ lạc ở vùng cao nguyên phía Bắc. Xin tham khảo thêm Anan Ganjanapan, “Hệ thống chiếm hữu đất đai Bắc Thái Lan: Lệ làng chống lại Pháp nước”. Theo Anan, các bộ tộc người Thái ở vùng cao nguyên phía Bắc chỉ biết đến sở hữu cộng đồng về đất đai chứ không hề biết đến sở hữu tư nhân. Nói cách khác, những người này không hề coi mảnh đất mà họ đang sinh sống trên đó là thuộc quyền sở hữu của mỗi thành viên nào, thậm chí là của người thủ lĩnh. Thay vào đó, mô hình của họ là đất đai thuộc mỗi cá nhân cũng như tất cả thành viên trong làng. Mô hình sở hữu cộng đồng này đã tồn tại rất lâu, thậm chí ngày nay vẫn còn. Và mô hình sở hữu cộng đồng này là cái mà chúng ta không thể tìm thấy trong luật pháp phương Tây hiện đại về quyền sở hữu tài sản. Tất nhiên, Thái Lan cũng tiếp nhận cả quan điểm luật pháp về “sở hữu chung” của phương Tây, nhưng cái “sở hữu chung” này khác xa so với mô hình “sở hữu cộng đồng”. Bây giờ, bạn có thể hình dung được sự khó khăn trong việc áp dụng luật Nhà nước về quyền sở hữu tư nhân, theo quan điểm phương Tây, vào những người Thái vùng cao nguyên - những người không hề có ý thức về mô hình sở hữu như vậy, và trong suốt cuộc đời họ, họ sống với mô hình sở hữu công cộng. Đây là một ví dụ cho thấy việc nghiên cứu về ý thức pháp luật ở nước Thái đa nguyên phức tạp đến thế nào.

## 3. Quyền và nghĩa vụ

Một lần nữa cần nhắc lại rằng chúng ta phải phân biệt giữa nông thôn và đô thị. Điều này là do, nói một cách chung nhất, các quan điểm về quyền và nghĩa vụ mà Thái Lan tiếp nhận từ phương Tây đóng một vai trò quan trọng ở Bangkok và các đô thị trung tâm. Nhiều người nói rằng ban đầu, Thái Lan không có mô hình về quyền mà chỉ có mô hình về nghĩa vụ. Người ta cho rằng nghĩa vụ rất được chú ý không chỉ ở Thái Lan mà cả ở toàn thể châu Á. Tới mức, nó đã trở thành cái gọi là “lối sống châu Á” (Asian-way). Quan điểm này cũng ngụ ý rằng ý thức về quyền không tồn tại ở châu Á mà được du nhập từ luật pháp phương Tây. Cách giải thích này còn tiến tới cho rằng ý thức về quyền là xa lạ với châu Á. Các tác giả không tìm thấy tài liệu nào viết về đề tài này lại đi sâu về trường hợp người Thái. Tuy nhiên, có 2 nguồn tài liệu viết bằng tiếng Thái có thể dùng tham khảo rất tốt. Xin xem thêm: Jarun Cosananan, *Pradya godmai tai* (triết lý luật pháp Thái) và Tenes Arpornsuwan, *Sitthi khon tai nai rat tai* (quyền và nghĩa vụ của người Thái). Tuy nhiên, ở đây, chúng ta chỉ bàn về ý thức pháp luật bản xứ của người Thái về quyền và nghĩa vụ xét trên chiều cạnh lịch sử. Ý thức này vẫn thể hiện phổ biến ở nhiều vùng nông thôn, đặc biệt ở các vùng càng xa Bangkok càng rõ. Còn người Thái ở các khu trung tâm, (ở mọi vùng đất nước), đang có những thay đổi lớn. Bắt đầu từ ngày 14/10/1973 - ngày sinh viên nổi dậy chống lại chế độ độc tài- người Thái hăm hờ đòi hỏi quyền lợi của họ. 26 năm qua, ý thức pháp luật của người Thái về quyền và nghĩa vụ đã có những thay đổi lớn. Đặc biệt, là vào khoảng vài năm trước trước khi ban hành hiến pháp hiện tại năm 1997, chúng ta có thể thấy sự tham gia nhiệt tình và mạnh mẽ của nhân dân trong quá trình soạn thảo hiến pháp. Quan trọng nhất là cuộc tranh luận nghiêm túc về nhân quyền, giá trị con người, quyền lợi và quyền tự do của con người. Sẽ không hề phóng đại khi cho rằng ngày nay, Thái Lan là đất nước dân chủ nhất châu Á.



#### 4. *Khế ước / hợp đồng*

Một lần nữa, tác giả nhận thấy có sự đối lập rất rõ trong ý thức về khế ước giữa người nông thôn và người thành thị ở Thái Lan. Điều này là do mức độ ảnh hưởng khác nhau của luật pháp phương Tây đến mỗi vùng. Ban đầu, người Thái không có một ý thức về giao kết mạnh mẽ như được viết trong luật Nhà nước dưới tác động của phương Tây. Các tác giả không định ngụ ý rằng người Thái, hay người phương Đông nói chung, hoàn toàn không có những quan hệ xây dựng trên khế ước, mà chỉ muốn nói rằng, mức độ cứng rắn trong các mối quan hệ căn cứ trên khế ước của người phương Đông thấp hơn nhiều so với người phương Tây. Hiện nay, những người Thái ở nông thôn, dưới tác động của cả những người ở Bangkok và cả luật Nhà nước Thái, đang ngày càng có xu hướng đi theo hệ thống quan hệ bằng khế ước của phương Tây. Cho đến giờ, hiện tượng này chỉ là rất nhỏ nếu so sánh với những thay đổi đang diễn ra, và sẽ còn tiếp tục diễn ra ở Bangkok cũng như các thành phố trung tâm khác. Vì sự khác biệt này, có nhiều trường hợp người Thái ở nông thôn đã có hợp đồng với người thành thị, (ví dụ trong trường hợp cầm đồ vay nợ) đã bị mất đất vào tay người chủ nợ vì thiếu hiểu biết về luật Nhà nước về hợp đồng, cũng như “việc buôn bán với quyền được chuộc lại” (Luật dân sự và thương mại, các mục: 345-394, 491-502). Tình hình lại càng trở nên tồi hơn bởi phần lớn những người sống ở nông thôn không có đủ tiền để thuê luật sư. Trở lại với những lưu ý của chúng ta về mối quan hệ bằng khế ước giữa những người dân đô thị, sự phức tạp không chỉ dừng ở đó. Kể từ khi thế giới thương mại của Thái hầu như nằm trong tay người Trung Quốc, Luật Nhà nước về hợp đồng không phải lúc nào cũng được thực thi một cách nghiêm chỉnh như ở các nước phương Tây. Điều này có thể chủ yếu là do lối tư duy của người Hoa (có thể do ảnh hưởng của Nho giáo) vốn rất ghét những quan hệ bằng hợp đồng/khế ước. Nhìn chung, việc nghiên cứu ý thức về khế ước của người Thái không phải là một công việc đơn giản. Tuy nhiên, nó lại có vai trò quan trọng trong việc làm sáng tỏ thực tế rằng đang ngày càng có nhiều người Thái giao dịch thương mại với người phương Tây. Vì thế, hiểu rõ người Thái và người phương Tây khác nhau như thế nào trong các quan hệ hợp đồng của họ có một tầm quan trọng đặc biệt.

#### 5. *Giải quyết tranh chấp*

Khi thảo luận về chủ đề này, chúng ta thường đặt câu hỏi liệu những người có tranh chấp có nhờ đến tòa án giải quyết các bất hòa của họ không. Để trả lời câu hỏi này, một lần nữa, tác giả đề nghị chúng ta phân biệt nông thôn và đô thị. Theo kết quả của 2 cuộc khảo sát của Suntaree, nhìn chung, người Thái thường thích “sự hòa thuận”. Trong chín giá trị ưu tiên của người Thái thì “quan hệ hòa nhã” đứng thứ ba. Thông thường, người Thái không thích các cuộc đối chất. Đối với người Thái, đó là giải pháp độc đoán cuối cùng. Vì thế, ngay ban đầu, người Thái thường có xu hướng tránh tranh chấp. Tất nhiên, có nhiều yếu tố cũng tác động đến điều này. Ví dụ, việc đưa ra tòa làm tốn kém cả về thời gian và tiền bạc. Bất kể trường hợp nào, người Thái ở nông thôn cũng ít viện tới tòa án hơn người Thái ở đô thị. Tuy nhiên, trong số những người ở nông thôn, thì người vùng này cũng khác với người vùng kia. Theo ý kiến của các tác giả, những người Thái ở trung tâm Bangkok và các vùng lân cận xếp đầu bảng trong việc sử dụng đến hệ thống tòa án, tiếp đến là người Thái ở vùng phía Nam, phía Đông Bắc và phía Bắc. Nếu xét về tộc người, thì người Thái-Ấn xếp đầu bảng trong việc viện đến tòa án để giải quyết các tranh chấp, sau đó là người Thái-Thái, trong khi đó, người Thái-Trung Quốc xếp cuối cùng. Tất nhiên, nhấn mạnh lại rằng, đây chỉ là các giả thuyết sơ bộ và có tính chất cá nhân của các tác giả từ quan sát chung. Để có một mô tả có ý nghĩa hơn thì cần tiến hành một cuộc nghiên cứu khoa học và thực nghiệm.

## 6. Kiểm soát xã hội

Thuật ngữ kiểm soát xã hội đề cập tới việc sử dụng pháp luật như một công cụ quản lý xã hội nhằm duy trì sự thanh bình. Liệu ý thức pháp luật của người Thái có đơn giản chấp nhận sự quản lý của luật pháp Nhà nước trong việc duy trì một xã hội hòa bình, hay người Thái sẽ nghe theo một nhà lãnh đạo mạnh mẽ? Có đôi lúc nào đó người Thái nổi lên chống lại pháp luật nhà nước hay không? Để đi vào chủ đề này, bạn đọc cần tham khảo lại các khảo sát của Suntaree trong phần “9 cụm giá trị” đã được đề cập ở trên. Theo kết quả của cuộc khảo sát này thì người Thái xếp giá trị “sự mềm dẻo” thứ 4. Một điều cần nói thêm ở đây là hầu hết người Thái coi trọng “cá nhân” và “hoàn cảnh” hơn là nguyên tắc và hệ thống. Một điều thú vị là các viên chức chính phủ lại dành vị trí ưu tiên cho giá trị này cao hơn người nông dân. Đó có thể là lý do vì sao việc thi hành pháp luật ở Thái Lan lại không hiệu quả. Kể từ khi người Thái có xu hướng hành động như giả thuyết xác thực này, chúng ta có xu hướng để pháp luật nằm trong tay các quan chức chính phủ với mục đích đảm bảo hòa bình trong xã hội và chấp nhận sự lãnh đạo của họ. Nói chung, quan điểm của người Thái (thông qua một câu tục ngữ) là “Dern tam phuyai maa mai gad” (nếu không muốn bị chó cắn thì nên đi theo sau một người lớn tuổi). Từ câu tục ngữ này, bạn có thể nhận ra người Thái được giáo dục tính thụ động như thế nào. Từ xưa trong lịch sử, người Thái đã thụ động trước cả những quan chức lẫn pháp luật. Thậm chí trong trường hợp pháp luật hoặc nhà cầm quyền có tỏ ra bất công thì trường hợp nổi loạn cũng rất hiếm khi xảy ra. Các tác giả muốn nói rằng, về ý thức pháp luật, người Thái ở nông thôn thụ động hơn người ở đô thị. Tuy nhiên, như đã đề cập ở trên, cuộc nổi dậy của sinh viên ngày 14/10/1973 đã làm thay đổi rất nhiều ý thức pháp luật của người Thái. Đó là sự khởi đầu của một cuộc nổi dậy trọng đại nhằm chống lại những nhà cầm quyền bất công cũng như bộ luật bất công.

## 7. Biến đổi xã hội

Ở Thái Lan, khi muốn thay đổi hay cải thiện vị thế xã hội, liệu chúng ta có thể sử dụng luật pháp như một phương tiện cho sự biến đổi xã hội này không? Nói cách khác, liệu chúng ta có thể sử dụng hệ thống pháp luật để tạo ra một sự biến đổi xã hội, nghĩa là sử dụng pháp luật cho mục đích phát triển các mặt xã hội, kinh tế, chính trị hay không? Luật pháp liệu có là một phương tiện hiệu quả cho những mục đích đó ở Thái hay không? Hay chúng ta chỉ biến đổi luật pháp sau khi biến đổi xã hội đã xảy ra? Nói tóm lại, luật pháp ở Thái Lan là cái “tạo ra” hay chỉ là cái “đi theo” biến đổi xã hội? Đây là một chủ đề mà các tác giả rất quan tâm vì nó liên quan tới nghiên cứu xã hội học về “luật pháp và phát triển”. Tất nhiên, nếu chúng ta đặt chủ đề này trong bối cảnh tương quan so sánh giữa thành thị và nông thôn, người nông thôn hiển nhiên sẽ ít khả năng hơn trong lĩnh vực này. Tuy nhiên, nhìn một cách tổng thể, quan sát của các tác giả cho thấy người Thái tương đối yếu về mặt “hệ thống”. Vì vậy, pháp luật sẽ không thể là một phương tiện cơ bản để tạo ra biến đổi xã hội. Thay vào đó, các quan hệ cá nhân và một số thứ khác lại là những nguyên nhân thực tế dẫn tới sự phát triển về mặt xã hội và kinh tế. Ví dụ, việc nhận thức được người Thái sử dụng pháp luật như thế nào để chống lại cuộc khủng hoảng kinh tế châu Á, vốn bắt nguồn từ Thái Lan rồi lan sang phần còn lại của châu Á là rất khó khăn. Chúng ta không nên quên năm 1997, mọi người đã rất nhiệt tình tham gia quá trình dự thảo hiến pháp, và cũng thời gian đó, cuộc khủng hoảng kinh tế bắt đầu. Vì vậy, giả thuyết làm việc của các tác giả ở đây là luật pháp ở Thái thường đi sau biến đổi xã hội hơn là góp phần tạo ra chúng. Tuy nhiên, các tác giả không muốn khẳng định tuyệt đối giả thuyết này vì như trên đã nói, người Thái đang có những thay đổi tích cực.

### 8. Thi hành luật pháp

Các tác giả muốn lưu ý là từ “thi hành luật pháp” ở đây không chỉ hiểu theo nghĩa là những người thi hành luật mà còn bao gồm cả những đối tượng mà luật pháp hướng tới, tức là dân chúng nói chung. Cho đến gần đây, việc thi hành luật ở Thái Lan khá khó khăn, có thể điều này là kết quả của một thực tế là các viên chức chính phủ xếp “sự mềm dẻo” là một trong những giá trị được đánh giá cao, còn người Thái nói chung lại khá thụ động trước các quan chức. Nhưng ngày nay, khi mọi người đang ngày càng tham gia nhiều hơn vào mọi lĩnh vực, dân chúng cũng như những nhà thi hành luật có thể đóng một vai trò quyết định trong hiệu lực của việc thi hành luật. Trở lại với lưu ý của chúng ta về sự khác biệt giữa nông thôn và đô thị, việc thi hành luật ở nông thôn thường ít hiệu quả hơn so với thành phố. Có điều là, tuy không rõ lắm, sự tham gia ngày càng tăng của người dân đang diễn ra trên toàn đất nước, ít nhất là ở những vùng nông nghiệp lớn.

### V. Một số điểm kết luận

#### 1. Ý thức pháp luật bản xứ của người Thái.

Cần tiến hành một nghiên cứu khoa học về ý thức pháp luật bản xứ của người Thái, không phải bắt đầu từ thời kỳ Sukhothai (1213-1350) mà cần trở lại cả những thời kỳ trước đó. Loại nghiên cứu cơ bản này có thể tập trung tìm hiểu liệu người Thái có nguồn gốc ý thức pháp luật của riêng họ hay là một khuôn ý thức pháp luật bắt nguồn từ học thuyết Lão Tử của Trung Quốc (604-531). Tất nhiên, chúng ta không thực sự có khả năng tiến hành một nghiên cứu thực nghiệm về vấn đề này do bản chất có tính lịch sử của nó. Nghiên cứu thực nghiệm sẽ có tính khả thi hơn. Nhưng như một số nhà nhân loại học người Thái đã xác nhận rằng tập quán pháp luật cổ (*the ancient legal practice*) vẫn còn thông dụng cho đến ngày nay, nên chúng ta có thể tiến hành nghiên cứu kinh nghiệm bằng cách đi sâu về các làng nông nghiệp và rút ra kết luận trực tiếp. Tất nhiên, loại nghiên cứu cơ bản và kinh nghiệm này đòi hỏi phải có sự cộng tác giữa một nhà nhân loại học và một luật gia, mà điều này thì rất khó thực hiện. Có lẽ điều mà chúng ta có thể làm bây giờ là hy vọng một sự cộng tác giống như sự cộng tác của nhà nhân loại học người Mỹ Hoebel và nhà luật sư người Mỹ Llewellyn để viết nên tác phẩm “*The Cheyenne Way*” (1941) sẽ diễn ra ở Thái Lan, nhờ đó chúng ta có thể có “*The Thai Way*” vào một thời điểm nào đó trong tương lai.

#### 2. Ý thức pháp luật của người Thái hiện nay

Mặc dù nghiên cứu cơ bản trên sẽ có ý nghĩa khoa học rất lớn, các tác giả vẫn lưu ý rằng nghiên cứu của chúng ta tập trung ưu tiên vào ý thức pháp luật của người Thái hiện nay. Các tác giả cũng muốn đề xuất rằng nghiên cứu về ý thức pháp luật của người Thái hiện nay cần dựa trên sự so sánh người nông thôn và người đô thị. Cũng vậy, để nghiên cứu ý thức pháp luật của người Thái hiện nay-mà hiện đang có sự biến đổi tích cực - các tác giả kiến nghị rằng nghiên cứu nên bắt đầu từ 3 cuộc nổi loạn hiện đại vào các ngày: 14/10/1973, 6/10/1976 và tháng 5/1992. Ba sự kiện này là những điểm quan trọng trong sự chuyển biến ý thức pháp luật của người Thái nói chung. Một hiện tượng quan trọng khác mà các tác giả tin rằng đã làm biến đổi ý thức pháp luật của người Thái hiện nay rất nhiều là sự tham gia cao độ của dân chúng trong việc soạn thảo Hiến pháp năm 1997. Bằng cách lấy 4 sự kiện này là điểm xuất phát, và bằng cách so sánh người nông thôn với người đô thị, chúng ta sẽ có một bức tranh hiện thực nhất về ý thức pháp luật của người Thái hiện nay.

### 3. Ý thức pháp luật của người Thái trong “Quyền cộng đồng”

Một trong những chủ đề được tranh luận sôi nổi trong thời gian soạn thảo Hiến pháp mới năm 1997 là về cái mà người Thái gọi là “quyền cộng đồng”. Sau một cuộc tranh luận sôi nổi và kéo dài, quyền này được đưa vào Hiến pháp một cách thành công. Chương 46 ghi “Các cá nhân tập hợp thành một cộng đồng truyền thống sẽ có quyền được lưu giữ hoặc khôi phục các phong tục, tri thức, nghệ thuật và văn hóa lành mạnh của cộng đồng của họ và của quốc gia, được tham gia quản lý, bảo vệ, duy trì và khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên trong khuôn khổ cân bằng theo luật định”. Những quyền cộng đồng này tương đối phù hợp với cái được miêu tả bởi một số học giả (Luật gia Senegalese Keba M’Baye và nhà tư vấn pháp luật của UNESCO Karel Vasak) như một quyền con người thứ ba. Loại quyền thứ nhất là quyền “công dân và chính trị”, thứ hai là “những quyền kinh tế, xã hội, văn hóa”, và loại quyền thứ ba liên quan tới cái gọi là “quyền đoàn kết thống nhất” (hay “quyền tập thể”). Một sự khác biệt quan trọng giữa “quyền đoàn kết thống nhất” (theo M’Baye và Vasak) với “quyền cộng đồng” (theo người Thái) là, trong khi “quyền đoàn kết thống nhất” được coi như một loại quyền mới, “quyền cộng đồng” được người Thái nhận thức là đã tồn tại từ thời thượng cổ. Nói ngắn gọn, theo niềm tin của người Thái thì đây là những quyền *không thể chuyển nhượng* (*inalienable rights*). Theo như các tác giả hiểu, vấn đề về quyền cộng đồng lần đầu tiên được dẫn chứng bằng tư liệu ở Hiến chương châu Phi về Con người và Quyền Con người (1981). Về phía các điều khoản của hiến pháp, một số học giả cho rằng hiến pháp ở Ba Lan (1996) và Thái Lan (1997) là 2 hiến pháp duy nhất có đưa quyền này vào như một phần của hiến pháp. Vì thế Thái Lan ở hàng đầu trong việc soạn thảo một cách kỹ lưỡng quyền tập thể, trong đó bao gồm quyền cộng đồng. Kể từ khi quyền này được đưa vào hiến pháp, chúng ta có thể mong chờ rằng các xung đột xã hội sẽ được giải quyết ở tòa án bằng cách trích dẫn quyền này. Các tác giả mạo muội nhận xét ở đây là người Thái thực chất nắm không mấy rõ ràng về nội dung của luật cộng đồng, dù họ có là luật sư hay không. Tuy nhiên, một số học giả đang cố gắng tổ chức nghiên cứu nhóm để làm minh bạch vấn đề này. Một điều chắc chắn là, quyền cộng đồng sẽ là một vấn đề nóng bỏng ở Thái Lan trong một tương lai gần. Vì thế, nghiên cứu ý thức pháp luật của người Thái về quyền cộng đồng là rất có giá trị.

### 4. Ý thức pháp luật của người Thái và cuộc khủng hoảng kinh tế châu Á

Vì Thái Lan đang trên đường hồi phục sau cuộc khủng hoảng kinh tế châu Á, một chủ đề ưu tiên khác trong nghiên cứu kinh nghiệm về ý thức pháp luật của người Thái là đề cập tới vai trò của luật pháp trong việc đẩy nhanh quá trình hồi phục. Liệu luật pháp Thái Lan có phải là một công cụ hữu hiệu cho mục tiêu này hay không? Các tác giả cho rằng ở đây, một lời bình luận về “*người bạn tư bản*” (*crony capitalism*) rất đáng được quan tâm. Vấn đề này nói chung liên quan tới hoàn cảnh mà trong đó, các nước châu Á (tất nhiên trong đó có Thái Lan) đã cam kết bằng giọng điệu tư bản chủ nghĩa là sẽ trở thành một đất nước thương mại tự do và công bằng. Quan điểm của *người bạn tư bản* cho rằng, trong nhiều trường hợp cá biệt, kinh doanh ở châu Á khó có thể công bằng bởi sự tồn tại của mô hình gia đình trị và nạn tham nhũng. Đây là một lời bình luận hay, không chỉ liên quan tới ý thức pháp luật của người Thái mà có thể còn liên quan tới đặc trưng dân tộc người Thái về: “sự biết ơn”, “quan hệ hòa nhã”, “phụ thuộc lẫn nhau” và “mềm dẻo”. Các tác giả tin rằng những nghiên cứu thực nghiệm như vậy sẽ rất hữu ích trong giải quyết các vấn đề thực tiễn sắp tới.

### 5. Ý thức pháp luật của người Thái trong thi hành luật

Cũng như nhiều quốc gia khác, Thái Lan đang nằm trong quá trình ban hành pháp luật nhằm giải quyết các vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội. Thái Lan đã có nhiều luật được ban hành

và một con số còn nhiều hơn thế đang được nội các và quốc hội xem xét. Một câu hỏi lớn mà hầu như bị bỏ qua là, tính hiệu lực của luật. Điều này liên quan tới vấn đề thi hành luật. Chúng ta đã sớm nhận biết là nghiên cứu của Suntaree đã chỉ ra rằng người Thái coi trọng giá trị “mềm dẻo” đến như thế nào, đặc biệt là các viên chức. Vì thế, cho đến gần đây, việc thi hành pháp luật vẫn diễn ra một cách khó khăn ở Thái Lan. Nếu chúng ta có thừa luật mà thiếu sự thi hành, chúng ta vẫn thất bại trong mục đích của mình. Do đó, việc nhấn mạnh tới ý thức pháp luật của người Thái về việc thực thi pháp luật là điều vô cùng quan trọng. Như các tác giả đã đề cập trước đó, loại nghiên cứu này phải được kiểm tra từ cả quan điểm của nhà thi hành luật cũng như của dân chúng - những đối tượng mà pháp luật hướng tới.

#### 6. Ý thức pháp luật của người Thái về “công bằng”

Các tác giả muốn kiến nghị ở đây là chủ đề này nên được dành sự ưu tiên cao về phía các nghiên cứu liên quan tới ý thức pháp luật của người Thái. Dù là vấn đề chính trị, kinh tế hay xã hội, nó vẫn luôn được tranh luận trên căn cứ hợp lý-không hợp lý, hay công bằng-không công bằng. Tuy vậy, chúng ta không mấy rõ ràng về thế nào là hợp lý và thế nào là công bằng. Ý thức pháp luật của người Thái về công bằng có thể giống hay không giống với ý thức của cư dân các nước khác, nhưng để nghiên cứu về ý thức pháp luật, cần nghiên cứu về ý thức công bằng. Điều này hiển nhiên là cần thiết. Làm sao chúng ta có thể thảo luận về thi hành pháp luật nếu chúng ta không trước hết là thảo luận xem liệu pháp luật có công bằng hay không. Cần có một số so sánh. Ví dụ, trong khi biểu tượng về “công bằng” của người phương Tây là vị nữ thần bịt mắt, một tay cầm lưỡi gươm, một tay cầm cán cân, vậy thì biểu tượng về “công bằng” của người Thái là gì?

#### Tài liệu tham khảo:

1. Suntaree, Komin, 1991, *Tâm lý người Thái: các giá trị và khuôn mẫu hành vi*, Bangkok: Viện phát triển quản lý quốc gia (NIDA)
2. Anan, Ganjanapan, 1994, “Hệ thống chiếm hữu đất đai của người Bắc Thái: lệ làng chống lại phép nước” *Quan điểm luật pháp và xã hội*, (Vấn đề đặc biệt: Luật pháp và xã hội ở Đông Nam Á), tập 28, số 3, trang 609-622.
3. Jarun, Consananan, B.E. 2536 (1993), *Pradya god mai tai* (Triết học pháp luật của người Thái), Bangkok: ĐH Báo Chí Ramkhamhaeng.
4. Tanes, Arpornsuwan, B.E. 2539 (1996) “Sitthi khon tai nai rat tai” (các quyền của người Thái ở các vùng của Thái Lan), *Hình ảnh năm 2000: một mô hình mới cho nghiên cứu về người Thái*, Bangkok: Quỹ nghiên cứu Thái Lan, trang 179-234

Dịch từ tiếng Anh: *Thai Legal Consciousness. A Working Hypothesis.*

Journal of Asian-Pacific Studies, No. 5, December 1999, pp. 33-43

Người dịch: NGUYỄN NHƯ TRANG